**KĨ NĂNG XỬ LÝ DẪN CHỨNG TRONG BÀI NGHỊ LUẬN VĂN HỌC CỦA HSG QUỐC GIA.**

***“Kỹ năng, chứ không phải sức mạnh, điều khiển con tàu”* (Thomas Fuller)**

**I. Tầm quan trọng của dẫn chứng trong bài nghị luận văn học của HSG**

- Cơ sở thực tiễn: Aristotle; triết học Mác – Lênin;…

- GS Nguyễn Đăng Mạnh đã có một nhận định về văn nghị luận như sau: *“Văn nghị luận nói chung là dung lí lẽ, lập luận, bàn bạc làm sáng tỏ một vấn đề nào đó để thuyết phục người đọc, người nghe”.*

- Tác giả Đỗ Ngọc Thống trong bài viết “Vai trò của lập luận trong văn nghị luận” đã khẳng định: *“Luận điểm mới mẻ, độc đáo là hết sức quan trọng, nhưng để bài văn có sức thuyết phục cao thì riêng luận điểm chưa đủ(…) Phải biết lập luận, tức là phải biết trình bày và triển khai luận điểm; biết nêu vấn đề và giải quyết vấn đề; biết dùng những dẫn chứng để làm sáng tỏ điều mình muốn nói”.*

=> Trong văn nghị luận, chứng minh là một thao tác lập luận quan trọng, không thể thiếu. Chứng minh là phép lập luận dùng những lí lẽ, dẫn chứng chân thật để chứng tỏ để chứng tỏ luận điểm cần được chứng minh là đúng đắn, đáng tin cậy. Các lí lẽ, dẫn chứng đưa ra chứng minh phải được lựa chọn thật tiêu biểu, phong phú, trình bày rõ rang, phân tích sâu sắc thì mới có sức thuyết phục.

**II. Yêu cầu về dẫn chứng trong bài NLVH của HSGQG**

- Dẫn chứng phải đúng.

- Dẫn chứng phải hay, mới mẻ, phù hợp nhất.

- Dẫn chứng phải toàn diện, đúng tỉ lệ.

- Dẫn chứng cần tinh gọn, sắc sảo.

**III. Một số lỗi thường gặp trong khâu xử lý dẫn chứng**

- Lỗi chọn dẫn chứng.

- Lỗi tổ chức sắp xếp dẫn chứng.

- Lỗi phân tích dẫn chứng.

**IV. Phân loại dẫn chứng trong bài NLVH**

- Phân theo thể loại văn học: Tự sự, trữ tình, kịch.

- Phân theo yêu cầu của đề bài NLVH: Dẫn theo công trình nghiên cứu *“Văn – bồi dưỡng học sinh năng khiếu THPT”*, GS Nguyễn Đăng Mạnh và PGS Đỗ Ngọc Thống đã phân dẫn chứng thành hai loại: “dẫn chứng bắt buộc” và “dẫn chứng mở rộng”.

+ Ví dụ đề bài: *“Thơ nữ viết về tình yêu thường thể hiện sâu sắc bản lĩnh và ý thức về hạnh phúc của chính người phụ nữ”.* Hãy phân tích, so sánh bài thơ *Tự tình II* của Hồ Xuân Hương và *Sóng* của Xuân Quỳnh để làm rõ nét chung và riêng trong tâm sự tình yêu của hai tác giả nữ ở hai thời đại khác nhau.

- Chứng minh theo từng luận điểm và chứng minh theo từng tác phẩm:

+ Ví dụ đề bài: *“Thơ ca trong bản chất của nó là mây, một hình thể vô định và huyền ảo, và thơ ca, cũng còn là bão tố”.* (*Ba nghìn thế giới thơm –* Nhật Chiêu)

Qua việc phân tích đề, xác định được hai luận điểm cần chứng minh:

Luận điểm 1: Thơ ca mang tính hàm súc, mơ hồ, đa nghĩa, đòi hỏi người đọc không ngừng khám phá và tri nhận.

Luận điểm 2: Thơ ca là tiếng nói của những tình cảm mãnh liệt, thăng hoa, chin đỏ, những tư tưởng sâu sắc, lay thức, khơi dậy, làm bùng nổ xúc cảm, nhận thức nơi bạn đọc.

**V. Chuẩn bị dẫn chứng:**

- Theo nhóm các vấn đề lí luận văn học cơ bản:

+ Nhóm lý thuyết về đặc trưng phản ánh của văn học.

+ Nhóm lý thuyết về cấu trúc của tác phẩm văn học.

+ Nhóm lý thuyết về tiến trình văn học.

- Theo khu vực văn học: phương Đông và phương Tây, văn học từng nước (Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Nga, Pháp, Đức, Anh, Mỹ - Latinh,…)

- Theo các trường phái, chủ nghĩa: văn học Phục Hưng; văn học ánh sáng; văn học hiện thực và lãng mạn; văn học hiện sinh; văn học hậu hiện đại; văn học chấn thương; văn học di dân;…

**VI. Các cách đưa dẫn chứng vào bài NLVH của HSGQG**

**1. Kiểu dẫn chứng liệt kê (dẫn chứng diện, lướt, phụ,…)**

- VD: *“Bản chất của nghệ thuật là sự sáng tạo cũng như bản chất của sự sống là biến động. Cùng bày tỏ sự bất lực, bất hòa, bất mãn trước thực tại xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX nhưng mỗi nhà thơ lại có một cái tôi khác biệt cùng phản ứng rất riêng của mình, để tiếng thơ vang lên như cuộn trong nó cả linh hồn nghệ sĩ và cốt tủy thời đại. Này “Tiếng sáo thiên thai” thoát tục, tiên nga buồn mênh mông, hạc trắng bay về cõi đại đồng trong thơ Thế Lữ, này phút men tửu ngả nghiêng ái ân triền miên vẩn khói thuốc phiện vũ trường trong thơ Vũ Hoàng Chương, này con đường hỏa ngục toàn đầu lâu sọ trắng hoang vu mộ tháp Chàm trong hồn thi nhân họ Chế, còn đâu máu cuồng hoan đau thương dường cứa nát sự sống trầm kha khắc khoải của Hàn Mặc Tử, và đâu đây ta nghe rõ mồn một tiếng thở dài não nùng của Xuân Diệu thương tiếc cho cái đẹp chết yểu, tan biến, đành thăng hồn xác trong tình yêu tuổi trẻ và sự sống trần gian muôn vàn thanh sắc bạt ngàn…Sáng tạo là thiên chức quan trọng của nhà văn trong hành trình lao động nghệ thuật”.*

- VD: *“Còn lại với thời gian, sẽ là những tên tuổi văn nghệ sĩ không ngừng nỗ lực vượt qua giới hạn để sáng tạo nghệ thuật. Vì vậy, Nguyễn Minh Châu tự lập tòa án lương tâm để phán xét con người, đọc lời ai điếu cho nền văn nghệ minh họa; Dư Thị Hoàn can đảm và cô độc từ bỏ đường lớn để bước vào “Lối nhỏ”; Tạ Duy Anh “bước qua lời nguyền”; Mai Văn Phấn liên tục “vong thân”; Nguyễn Bình Phương “từ chết sang trời biếc”; Nguyễn Quang Thiều “rời bỏ thành phố”; Nguyễn Lương Ngọc nung chảy, xé toang, đập mình ra để cấu trúc; Trương Đăng Dung đối thoại với tồn tại; Đặng Thân đẩy sự việc đến tận cùng, loại bỏ cấm kỵ ra khỏi sáng tác; Văn Cầm Hải “không ăn bóng một thời đã qua”; Vi Thùy Linh “một bản thể đầy mâu thuẫn”…Đó chính là động thái đối diện và vượt qua giới hạn của những người nghệ sĩ tâm huyết với hành trình sáng tạo.*

**2. Kiểu dẫn chứng sâu, tiêu biểu (Dẫn chứng điểm, đậm, chính,…)**

- VD: *“Nhà văn chấm ngòi bút của mình vào nghiên mực cuộc đời để thai tạo cho thế gian ngàn sự hồi sinh cùng những kiếp phận mới. Trong sáng tác của Jack London – một nhà văn không hề biết đến tuổi thơ – lại thể hiện rất rõ bức tranh của xã hội Mỹ vào hai thập niên cuối thế kỷ XIX. Những tháng ngày du thủ du thực, những năm tháng không thể nào quên khi Jack trở thành “hobos” – một kẻ vô danh trong đội quân cái bang khổng lồ, kiếm sống “như loài thỏ” theo các chuyến tàu hàng ngang dọc khắp nước Mỹ, những sự mạo hiểm trong cơn sốt tìm vàng ở Alaska…Những cuộc hành trình đó đã đem lại một “túi vốn sống khổng lồ”mà Jack có được trong suốt cuộc đời cơ cực của mình. Đó là hiện thực khắc nghiệt của nhà nước tư sản Mỹ những năm cuối thế kỷ XIX được khắc họa trong những tác phẩm sau này đã trở thành kiệt tác của Jack. Qua những trang viết, Jack muốn gửi tới người đọc bức tranh về sự khốn cùng của con người trong cuộc vật lộn, tranh giành sự sống với tự nhiên. Đó là biểu hiện mâu thuẫn giữa sự tàn bạo dã man của cái gọi là văn minh và sự tự do của loài vật sống hoang dã trong thiên nhiên, nhất là trong “Tiếng gọi nơi hoang dã”. Truyện toát lên một nhân sinh quan rõ rệt của tác giả: tình yêu đối với loài vật. Ông cho rằng, chỉ có trên cơ sở một tình yêu vô hạn đối với loài vật mới chiến thắng được những con vật, thậm chí là dữ tợn. Văn chương, vừa tái hiện bức tranh muôn màu của sự sống, vừa để lại những bài học nhân sinh sâu sắc, chính là như vậy.*

**3. Dẫn chứng từ những hướng tiếp cận mới đối với tác phẩm**

**a, Kí hiệu học**

- VD: *“Với phương tiện là hình tượng và chất liệu là ngôn từ, văn chương có khả năng thể hiện những trạng thái tinh thần mơ hồ, xa thẳm nhất của con người. Cảm thức lạc lõng của con người trước con người, trước thế giới, thậm chí với chính mình, được nhà thơ Trương Đăng Dung định vị bằng hình ảnh những bức tường, được hiểu như một sự chia cắt bên này – bên kia. Những bức tường, có loại do con người xây lên, nó hữu hình, nên có thể phá; lại có loại không do con người xây, và con người cũng không nhìn thấy, vì nó vô hình, nên không có cách gì phá được. Với loại bức tường thứ hai, thì đó là sự chia cắt mang tính tiên nghiệm, sự chia cắt tựa như định phận cho mỗi cá thể thuộc loài người. Trong bài thơ cùng tên,“Những bức tường”, Trương Đăng Dung đã xác định thứ định phận – sự chia cắt tàn nhẫn này: “Giữa những cái bắt tay/ có một bức tường/ giữa em và người em thấy trong gương/ có một bức tường/ giữa hai chiếc gối nằm kề nhau/ có một bức tường”. Ông nhận thấy, một cách phổ quát, những bức tường này có mặt khắp nơi trong thế giới này, như một thuộc tính của thế giới…”.*

**b, Liên văn bản – Liên văn hóa.**

- VD*: “Văn chương khơi dậy trong ta tình yêu nhân thế, yêu muôn loài, xưng tụng sự thật và say mê cái Đẹp. Ta nhớ những bước chân trở về theo Victor Hugo ngược dòng thời gian những năm tháng cuối thế kỷ XV, trên những giàn treo cổ và giá bêu tù, con quỷ dữ Quasimodo gục ngã trong sự khô rát cháy bỏng tận cuống họng mà gào lên thảm thiết rỉ rên: “Làm ơn cho tôi nước”. Chỉ mình Esmeralda, người con gái mang dòng máu Bohémian lạc loài, bị gọi là “con đĩ”, “con ve sầu âm phủ” là dám đứng lên mạnh mẽ rưới vào cổ họng Quasimodo những dòng suối mát lành hay cũng là tưới vào long mỗi chúng ta khát vọng được yêu và yêu hết lòng. “Ước rằng ta chỉ là đá mà thôi” – tiếng hát buồn của Quasimodo vang lên trong đêm thanh xanh xao lòng người, nhà thờ ngủ im lìm trong cái chết Trung Cổ, chỉ có lòng người và lòng ta vang mãi nguyện ước yêu thương nhân loại, siết lấy nhau trong những khắc mỏi mệt u hoài, như Hàn Mặc Tử than: “Ai biết tình ai có đậm đà?”, “Trăm năm vẫn một lòng yêu/ Và còn yêu nữa rất nhiều em ơi”. Văn chương thanh lọc hồn ta trong những tình cảm chân thành, tha thiết, giúp con người vị tha và sống tốt hơn trong cuộc đời”.*

**4. Kiểu dẫn chứng chia sẻ trải nghiệm đọc của bản thân**

- VD: *“Tôi nhớ lại một câu thơ: Anh đã cùng em yêu “cuộc chia ly màu đỏ”, mà trong lòng trào lên một niềm xúc động, xen lẫn sự hổ thẹn. Có những người đã dám xa nhau và đã yêu “cuộc chia ly màu đỏ”, có những người đã ngã xuống để bảo vệ sự thiêng liêng của sắc đỏ ấy, họ biết yêu thương nhau và yêu đất nước; vậy mà tôi, tôi lại sợ những cuộc chia ly như thế hoặc tương tự như thế? Tôi hiểu rằng cũng có bao người như tôi, cũng đã nghĩ và đã hiểu không đúng về những gì đang diễn ra xung quanh ta…và rồi một hôm nào đó, cũng sẽ được một bài thơ tuyệt diệu như vậy cảm hóa, tôi không còn thấy sợ chia ly nữa. Tiếng còi tàu vang lên trong đêm khuya tĩnh mịch không còn gợi cho tôi một nỗi sợ, một nỗi buồn, tôi nghe trong đó tiếng reo vui của những trái tim đang về với trái tim, sự sống đang được trả về với sự sống. Và tôi hiểu sự ra đi của cha và các anh tôi có một ý nghĩa đặc biệt: nó làm nên con tàu trở về.*

**5. Dẫn chứng văn học từ đời sống xã hội**

- VD: *“Như một lẽ tất yếu, văn chương bao giờ cũng thể hiện những nỗi băn khoăn, nhức nhối của con người sống trong thời đại mình. Từ sự bại trận hoang tàn kiệt quệ, từ thảm họa bom nguyên tử với những cú sốc tinh thần to lớn, sau năm 1954, nền kinh tế Nhật Bản được phục hồi và phát triển thần tốc. Làn sóng công nghiệp hóa, hiện đại hóa diễn ra mạnh mẽ, biến quốc gia này trở thành một trong những nước có nền kinh tế lớn nhất thế giới. Sự phát triển kinh tế với trình độ cao ở Nhật đã hình thành nền văn minh “kỹ trị” ở đất nước này. Con người Nhật Bản với sức sáng tạo diệu kỳ đã trở thành những chủ nhân của Robot, khiến mặt trời dường như không bao giờ lặn trên đất Nhật. Nhưng, như một hệ quả tất yếu, sống trong xã hội hiện đại, xa rời tự nhiên, con người ngày càng trở nên cô đơn, trống rỗng, họ hoạt động theo thói quen không khác gì những sản phẩm robot. Trong những trang viết của Yasunari Kawabata, Mishima Yukio, Abe Kobo,…và nhất là Haruki Murakami, người đọc luôn thấy sự trăn trở trước số phận con người trong xã hội hiện đại đầy bất an, phi lý. Xây dựng những hành trình đi tìm kiếm ý nghĩa đích thực của cuộc sống, những nhân vật hiện lên một cách rất đa dạng, phong phú và có tính phổ quát cao, phản ánh được những tồn tại sâu kín của con người Nhật Bản và nhân loại nói chung trong thời kỳ hậu tư bản”.*